

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/DS-ST
Ngày 13 tháng 5 năm 2022
V/v *Tranh chấp hợp đồng
tín dụng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hữu Thạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Liềm

Bà Lương Thị Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao: Không

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2021/TLST-DS, ngày 13 tháng 12 năm 2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 4 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ phần V (VPBank)

Địa chỉ: Số 89, đường Láng Hạ, Phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội. Địa chỉ Liên Lạc: Tầng 02, số 96 Cao Thắng, Phường 04, quận 03, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành Tr – Chức vụ: Phó Giám đốc khối pháp chế và kiểm soát tuân thủ - Ngân hàng TMCP V - VPBank Hội sở.

Theo văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương Mại Cổ phần V

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Hoàng Ph – Cán bộ xử lý nợ - Ngân hàng TMCP V- chi nhánh tỉnh Kiên Giang (VPBank)

Theo văn bản ủy quyền số 146/2021/UQ-VPB ngày 20/4/2021 của Phó Giám đốc khối pháp chế và Kiểm soát tuân thủ - Ngân hàng Thương Mại Cổ phần V.

Địa chỉ: số 4, đường Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1973;

Bà Phạm Thị H, sinh năm 1974; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 7, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Ông Nguyễn Văn N ủy quyền cho bà Phạm Thị H Tham Gia tố tụng tại phiên Tòa theo văn bản ủy quyền ngày 11 tháng 5 năm 2022

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án người đại diện của Nguyên đơn là ông Nguyễn Hoàn Phúc trình bày:

Vào ngày 19/8/2019 ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị H có ký hợp đồng tín dụng số: LN1908021569146 ngày 19/8/2019 với Ngân hàng Thương Mại Cổ phần V để vay số tiền 276.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng*), thời hạn vay 72 tháng, lãi suất trong hạn tại thời điểm vay là 8,9%/năm, lãi quá hạn bằng 150%/năm lãi suất trong hạn, lãi chậm trả bằng 150%/năm lãi suất cho vay trong hạn nhưng không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian. Lãi suất được cố định trong 12 tháng đầu, sau đó được điều chỉnh 03 tháng/01 lần mức điều chỉnh tối đa 8,9 %/ năm. Trả gốc và lãi 01 tháng/lần, mục đích vay là để mua xe ô tô tải. Quá trình vay ông N bà H đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 30.672.000đ, số tiền lãi là 16.697.521đ Tổng cộng là 47.369.521đ. Còn nợ lại số tiền gốc là 245.328.000đ, lãi tính đến ngày 13/5/2022 là 99.891.428đ, trong đó: Lãi trong hạn 66.594.286đ, lãi quá hạn 33.297.143đ Tổng cộng gốc và lãi là 345.219.428đ

Tài sản bảo đảm thế chấp đối với khoản vay nêu trên là xe tải có mui, nhãn hiệu JAC, màu xanh, số loại 1025, biển số đăng ký 68 C -110.03, Số khung X5D4KB000656, Số máy 3Q190240374D theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 027392 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 14/8/2019, mang tên Phạm Thị H theo hợp đồng vay và thế chấp tài sản ngày 19/8/2019, hiện nay tài sản thế chấp là xe ô tô tải ông N bà H đang quản lý sử dụng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị H trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ phần V số tiền gốc là 245.328.000đ, lãi tính đến ngày 13/5/2022 là 99.891.428đ, trong đó: Lãi trong hạn 66.594.286đ, lãi quá hạn 33.297.143đ Tổng cộng gốc và lãi là 345.219.428đ ông N bà H còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 13/5/2022 đến thời điểm trả hết nợ theo hợp đồng vay.

Trường hợp ông Nguyễn Văn N bà Phạm Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương Mại Cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản thế chấp là xe tải có mui, nhãn hiệu JAC, màu xanh, số loại 1025, biển số đăng ký 68 C -110.03, Số khung X5D4KB000656, Số máy 3Q190240374D theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 027392 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 14/8/2019, mang tên Phạm Thị H

Nếu tài sản kê biên, phát mãi không đủ để thanh toán nợ vay thì ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị H phải tiếp tục thực hiện trả nợ cho đến khi trả xong khoản nợ vay theo hợp đồng.

Bị đơn bà Phạm Thị H và là đại diện theo ủy quyền cho ông **Nguyễn Văn N** trình bày:

Vào ngày 19/8/2019 ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị H có ký hợp đồng tín dụng số: LN1908021569146 với Ngân hàng Thương Mại Cổ phần V để vay số tiền 276.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng*), thời hạn vay 72 tháng, lãi suất trong hạn tại thời điểm vay là 8,9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150%/năm lãi suất trong hạn, lãi chậm trả bằng 150%/năm lãi suất trong hạn nhưng không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian. Lãi suất được cố định trong 12 tháng đầu, sau đó được điều chỉnh 03 tháng/01 lần mức điều chỉnh tối đa 8,9 %/ năm. Trả gốc và lãi 01 tháng/lần, mục đích vay là để mua xe ô tô tải. Quá trình vay đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 30.672.000đ, số tiền lãi là 16.697.521đ Tổng cộng là 47.369.521đ. Còn nợ lại ngân hàng số tiền gốc là 245.328.000đ, lãi tính đến ngày 13/5/2022 là 99.891.428đ, trong đó: Lãi trong hạn 66.594.286đ, lãi quá hạn 33.297.143đ Tổng cộng gốc và lãi là 345.219.428đ.

Tài sản bảo đảm thế chấp đối với khoản vay nêu trên là xe ô tô nhãn hiệu JAC số loại 1025, mang biển kiểm soát số 68 C -110.03, Số khung X5D4KB000656, Số máy 3Q190240374D theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 027392 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 14/8/2019, mang tên Phạm Thị H theo hợp đồng vay và thế chấp tài sản ngày 19/8/2019, hiện nay tài sản thế chấp là xe ô tô tải bà H đang quản lý sử dụng.

Nay bà H đồng ý trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ phần V số tiền gốc là 245.328.000đ

Đối với số tiền lãi là 99.891.428đ, thì bà H thống nhất là đúng theo mức lãi suất theo hợp đồng vay nhưng bà không đồng ý trả, do bà cho rằng đã báo với ngân hàng vào năm 2020 là giao xe thế chấp cho Ngân hàng để trừ nợ nhưng ngân hàng không thực hiện thu hồi xe mà để phát sinh lãi đến thời điểm hiện tại nên bà không đồng ý trả số lãi này.

Bà H chỉ đồng ý giao tài sản thế chấp là xe ô tô tải nhãn hiệu JAC số loại 1025, mang biển kiểm soát số 68 C -110.03, Số khung X5D4KB000656, Số máy 3Q190240374D cho ngân hàng phát mãi bán tài sản thế chấp để trừ hết số nợ, với điều kiện khi bán tài sản thế chấp thiếu đủ gì bà H cũng không phải trả thêm bất cứ số tiền nào khác cho ngân hàng thì bà H mới đồng ý giao tài sản thế chấp.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị H có hộ khẩu thường trú tại ấp 7, xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, Ngân hàng Thương Mại Cổ phần V yêu cầu ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị H trả số tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

[3] Về nội dung:

Xét hợp đồng tín dụng (hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp xe ô tô) số: LN1908021569146 ngày 19/8/2019 được giao kết giữa Ngân hàng Thương Mại Cổ phần V với ông Nguyễn Văn N bà Phạm Thị H đã thể hiện ý chí tự nguyện giữa hai bên, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, thỏa thuận các nội dung về số tiền vay, thời hạn, mục đích, lãi suất vay, phương thức trả nợ... phù hợp với quy định của pháp luật, phía bị đơn đều thừa nhận, khi vay số tiền 276.000.000đ xong ông N bà H chỉ thanh toán được cho Ngân hàng TMCP V số tiền gốc là 30.672.000đ, số tiền lãi là 16.697.521đ, kể từ ngày 19/8/2020 đến thời điểm Ngân hàng TMCP V khởi kiện, ông N bà H không thanh toán tiếp số nợ đến hạn cho ngân hàng, như vậy ông Nam bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng TMCP V. Do đó, Ngân hàng Thương Mại Cổ phần V khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn N bà Phạm Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền gốc là 245.328.000đ, lãi tính đến ngày 13/5/2022 là 99.891.428đ, trong đó: lãi trong hạn 66.594.286đ, lãi quá hạn 33.297.143đ Tổng cộng gốc và lãi 345.219.428đ là có cơ sở chấp nhận.

Đối với tài sản bảo đảm thế chấp, ông N bà H đã dùng tài sản là xe ô tô nhãn hiệu JAC số loại 1025, mang biển kiểm soát số 68 C -110.03, Số khung X5D4KB000656, Số máy 3Q190240374D giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 027392 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 14/8/2019, mang tên Phạm Thị H để thế chấp thế chấp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay, theo hợp đồng số: LN1908021569146 ngày 19/8/2019, các bên đều thừa nhận, tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị đơn, không có tranh chấp với ai. Nay ông N bà H không thanh toán nợ nên Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[4] Về án phí: $345.219.428đ \times 5\% = 17.260.971đ$ Buộc ông N bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP V.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 93; khoản 3 Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 280; Điều 317, Điều 318, Điều 463; 466; Điều 468; Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần V về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn N bà Phạm Thị H trả số tiền vay.

2. Buộc ông Nguyễn Văn N bà Phạm Thị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ phần V số tiền là 345.219.428 đồng (*Ba trăm bốn mươi lăm triệu, hai trăm mười chín nghìn, bốn trăm hai mươi tám đồng*), trong đó nợ gốc là 245.328.000 đồng, số tiền lãi trong hạn 66.594.286 đồng, số tiền lãi quá hạn là 33.297.143 đồng.

Ông Nguyễn Văn N bà Phạm Thị H còn chịu tiền lãi phát sinh theo lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng số LN1908021569146 ngày 19/8/2019, sau ngày 13/5/2022 cho đến khi ông N bà H thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Văn N bà Phạm Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương Mại Cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp, là xe tải có mui, nhãn hiệu JAC, màu xanh, số loại 1025, biển số đăng ký 68 C - 110.03, Số khung X5D4KB000656, Số máy 3Q190240374D giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 027392 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 14/8/2019, mang tên Phạm Thị H, để thu hồi nợ. Nếu tài sản kê biên, phát mãi không đủ để thanh toán nợ vay thì ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị H phải tiếp tục thực hiện trả nợ cho đến khi trả xong khoản nợ vay theo hợp đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Là 17.260.971đ (*Mười bảy triệu, hai trăm sáu mươi nghìn, chín trăm bảy mươi một đồng*) Buộc ông Nguyễn Văn N bà Phạm Thị H phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí là 7.200.000đ (*Bảy triệu hai trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0006582 ngày 13/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát Gò Quao;
- Chi cục Thi hành án Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Hữu Thạnh